

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

*(Phát hành thay thế Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
số 17063/2017/BCTC-TBD ngày 29/03/2017)*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600141043 ngày 22 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ 2.644.000.000 đồng

Vốn thực tế 2.644.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 185 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Mã số thuế: 1 6 0 0 1 4 1 0 4 3

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị:

Bà Mai Thị Thanh Thủy

Bà Quách Thị Huệ Trinh

Ông Nguyễn Đức Dũng

Ông Huỳnh Tấn Tài

Ông Võ Chí Tường

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/08/2016

Chủ tịch HĐQT đến ngày 22/08/2016 chuyển thành thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Ngoan

Ông Huỳnh Hữu Nhẹ

Bà Nguyễn Thị Bích Trâm

Chức vụ

Trưởng Ban

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Bà Quách Thị Huệ Trinh

Ông Lý Việt Dũng

Ông Trần Hiếu Thiện

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phụ trách Kế toán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật

Chi tiết: Lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu

Chi tiết: Giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.

Chi tiết: Khảo sát, đo đạc

Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp

Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình giao thông

Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật

Chi tiết: Thiết kế kiến trúc quy hoạch: khu đô thị, điểm dân cư tập trung, tiểu thủ công nghiệp, các khu kinh tế, các khu hành chính cả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ngành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 07 năm 2017

Tham gia và Đại diện Ban Giám đốc



QUÁCH THỊ HUỆ TRINH
Giám đốc



Số 17104/2017/BCKT-TBD

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

01 Núi Thành, P. 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38132259 * Fax: 08.3813 2258

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang, được lập ngày 27 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.13 trong Báo cáo tài chính Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 3.502.484.889 đồng, vượt quá tổng tài sản của là: 1.986.416.121 đồng và vượt quá Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 858.484.889 đồng. Các khoản nợ ngắn hạn đã vượt so với tổng tài sản là 633.322.144 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

- Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 17063/2017/BCKT-TBD ngày 29 tháng 03 năm 2017. Báo cáo này điều chỉnh số dư đầu năm và được phát hành lại theo công văn số 62/CV-TVXD ngày 24 tháng 07 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang về việc đề nghị điều chỉnh phát hành thay thế Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán ngày 29 tháng 03 năm 2017.

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

Kiểm toán viên

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.499.297.935	2.173.275.502
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.975.095	1.856.873
1. Tiền	111	V.01	15.975.095	1.856.873
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.261.784.029	1.963.937.036
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	1.242.981.464	2.288.769.964
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.255.774.453	912.138.960
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.02b	(1.236.971.888)	(1.236.971.888)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		221.538.811	207.481.593
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.07a	221.538.811	207.481.593
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.770.833	44.497.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.770.833	29.600.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	16.770.833	29.600.378
Nguyên giá	222		571.205.288	571.205.288
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(554.434.455)	(541.604.910)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	14.897.159
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.04	-	14.897.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.516.068.768	2.217.773.039

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

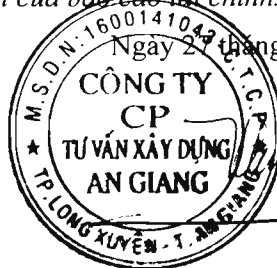
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		2.149.390.912	2.855.910.668
I. Nợ ngắn hạn	310		2.149.390.912	2.855.910.668
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.06	115.584.801	210.600.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.07b	320.489.340	314.837.009
4. Phải trả người lao động	314	V.08	548.506.314	761.430.366
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09	264.800.000	379.291.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.604.417.088	1.723.158.715
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	60.000.000	231.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	(764.406.631)	(764.406.631)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(633.322.144)	(638.137.629)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	(633.322.144)	(638.137.629)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.644.000.000	2.644.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		225.162.745	225.162.745
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.502.484.889)	(3.507.300.374)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.507.300.374)	(3.548.965.462)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.815.485	41.665.088
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.516.068.768	2.217.773.039

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 07 năm 2017

TRẦN HIẾU THIÊN

Phụ trách kế toán



QUÁCH THỊ HUỆ TRINH

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.010.358.925	2.816.691.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.163.193	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.008.195.732	2.816.691.243
4. Giá vốn hàng bán	11		1.101.225.124	1.224.834.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và	20		906.970.608	1.591.857.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.02	182.516	195.948
7. Chi phí tài chính	22		24.371.500	17.070.000
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		24.371.500	17.070.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.03	-	154.214.720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	848.401.440	1.388.731.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.380.184	32.036.385
11. Thu nhập khác	31	VI.05	-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	24.330.292	54.131.335
13. Lợi nhuận khác	40		(24.330.292)	(54.131.335)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.049.892	(22.094.950)
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		5.234.407	29.417.704
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.07	4.815.485	(51.512.654)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	182	(1.948)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo

Ngày 27 tháng 07 năm 2017


TRẦN HIẾU THIỆN
 Phụ trách kế toán




QUÁCH THỊ HUỆ TRINH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

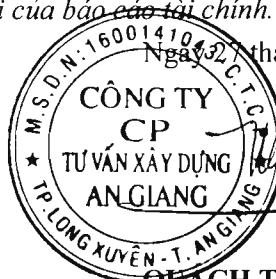
Đơn vị tính:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	10.049.892	(22.094.950)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.829.545	12.829.545
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(182.516)	(195.948)
- Chi phí lãi vay	06	24.371.500	17.070.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	47.068.421	7.608.647
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	688.095.789	(1.065.666.752)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(540.754.163)	904.537.964
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	14.897.159	78.950.587
- Tiền lãi vay đã trả	13	(24.371.500)	(17.070.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(10.539.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	184.935.706	(102.178.930)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	182.516	195.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	182.516	195.948
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.000.000	331.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(181.000.000)	(288.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(171.000.000)	43.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14.118.222	(58.982.982)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.856.873	60.839.855
Tiền tồn cuối kỳ	70	15.975.095	1.856.873

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 07 năm 2017

TRẦN HIẾU THIÊN
Phụ trách kế toán



QUÁCH THỊ HUỆ TRINH
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600141043 ngày 22 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Vốn điều lệ 2.644.000.000 VND

Vốn thực tế 2.644.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 185 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ ...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật

Chi tiết: Lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu

Chi tiết: Giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.

Chi tiết: Khảo sát, đo đạc

Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp

Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình giao thông

Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật

Chi tiết: Thiết kế kiến trúc quy hoạch: khu đô thị, điểm dân cư tập trung, tiểu thủ công nghiệp, các khu kinh tế, các khu hành chính cả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ngành.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	14.690.070	471.482
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	14.690.070	471.482
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	1.285.025	1.385.391
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.285.025	1.385.391
Tổng cộng	15.975.095	1.856.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Phải thu khách hàng**a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng An Phú	67.717.135	85.334.135
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Châu Đốc	86.931.000	86.931.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Chợ Mới	69.183.532	69.183.532
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Châu Phú	117.524.996	380.929.996
- Ban quản lý dân cư Châu Đốc	38.428.000	38.428.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Tân Châu	303.845.700	416.461.200
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thoại Sơn	118.737.130	218.611.130
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Tri Tôn	128.066.000	510.081.000
- Công ty TNHH Thịnh Phú	50.000.000	50.000.000
- DNTN Toàn Thắng	46.000.000	46.000.000
- Công an An Giang	43.941.000	43.941.000
- Công ty TNHH MTV Khai Thác và Chế Biến Đá	23.740.321	23.740.321
- Công ty Điện Lực An Giang	18.581.000	18.581.000
- Phòng Tài chính Châu Đốc	21.700.000	21.700.000
- Ủy ban nhân dân Thạnh Mỹ Tây	20.919.000	20.919.000
- Ủy ban nhân dân Vĩnh Phước	10.707.000	10.707.000
- Ban quản lý dự án Thành phố Long Xuyên	-	21.637.000
- Phòng Lao động Tân Châu	-	27.527.000
- Hải Quan An Giang	-	84.913.000
- Khách hàng khác	76.959.650	113.144.650
Tổng cộng	1.242.981.464	2.288.769.964

b. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
(1.236.971.888)	(1.236.971.888)
(1.236.971.888)	(1.236.971.888)

3. Các khoản phải thu khác**Ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu về cổ phần hóa	95.600.282		95.600.282	-
- Phải thu tiền cổ tức 2010	53.860.000		53.860.000	-
- Khoản tạm ứng	818.893.171		486.291.678	-
- Các khoản phải thu khác	287.421.000		276.387.000	-
Tổng cộng	1.255.774.453	-	912.138.960	-

4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn

	Đầu năm	Tăng	Kết chuyển chi phí	Cuối năm
	14.897.159	-	14.897.159	-
Tổng cộng	14.897.159	-	14.897.159	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					-	
- Số dư đầu năm	233.496.000	77.272.727	260.436.561	-	-	571.205.288
- Mua trong năm						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
Số dư cuối năm	233.496.000	77.272.727	260.436.561	-	-	571.205.288
Khấu hao lũy kế						
- Số dư đầu năm	233.496.000	47.672.349	260.436.561	-	-	541.604.910
- Khấu hao trong năm		12.829.545				12.829.545
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Điều chỉnh khoản khấu hao						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	-					-
Số dư cuối năm	233.496.000	60.501.894	260.436.561	-	-	554.434.455
Giá trị còn lại						
- Số dư đầu năm	-	29.600.378	-	-	-	29.600.378
- Số dư cuối năm	-	16.770.833	-	-	-	16.770.833

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Phải trả người bán	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Ông Nguyễn Chí Thanh	17.593.008	17.593.008	28.714.009	28.714.009
- Cửa hàng Văn phòng phẩm vật tư máy Photocopy Tuấn	60.537.800	60.537.800	91.257.200	91.257.200
- Nhà cung cấp khác	37.453.993	37.453.993	90.629.000	90.629.000
Tổng cộng	115.584.801	115.584.801	210.600.209	210.600.209

7. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	268.308.985	201.323.292	151.217.257	318.415.020
Thuế TNDN (phải thu)	(207.481.593)			(207.481.593)
- Thuế TNDN (phải nộp)	29.417.704	5.234.407	48.709.329	(14.057.218)
- Thuế TNCN		208.158	208.158	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.110.320	15.938.160	30.974.160	2.074.320
- Các loại thuế khác		1.500.000	1.500.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		17.291.926	17.291.926	-
Tổng cộng	107.355.416	241.495.943	249.900.830	98.950.529

a. Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế TNDN	221.538.811	207.481.593
Tổng cộng	221.538.811	207.481.593

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT	318.415.020	268.308.985
- Thuế TNDN	-	29.417.704
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.074.320	17.110.320
Tổng cộng	320.489.340	314.837.009

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Phải trả công nhân viên

- Lương nhân viên

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
548.506.314	761.430.366
548.506.314	761.430.366

9. Chi phí phải trả

- Trích trước tiền phí

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
264.800.000	379.291.000
264.800.000	379.291.000

10. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Cổ tức phải trả

Phải nộp về Quỹ HT và SXKD

- Phải trả, phải nộp khác

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
28.757.293	8.958.960
25.065.603	159.148.965
-	3.085.338
-	1.371.260
750.933.997	750.933.997
635.248.939	635.248.939
164.411.256	164.411.256
1.604.417.088	1.723.158.715

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng Tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	3.356.350.000		225.162.745	-	(3.548.965.462)	32.547.283
Điều chỉnh giảm vốn trong năm trước	(712.350.000)					(712.350.000)
Lãi/lỗ trong năm trước					(51.512.654)	(51.512.654)
Điều chỉnh tăng trong năm trước					93.177.742	93.177.742
Số dư cuối năm trước	2.644.000.000	-	225.162.745	-	(3.507.300.374)	(638.137.629)
Tăng vốn năm nay						-
Giảm vốn năm nay						-
Lãi/lỗ trong năm nay					4.815.485	4.815.485
Chia cổ tức						
Trích quỹ từ LN sau thuế						-
Số dư cuối năm nay	2.644.000.000	-	225.162.745	-	(3.502.484.889)	(633.322.144)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước (Tổng Cty ĐT & KD vốn Nhà nước)	1.566.800.000	1.566.800.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.077.200.000	1.077.200.000
+ Nhân viên Công ty	757.200.000	757.200.000
+ Các cổ đông khác	320.000.000	320.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.644.000.000	3.356.350.000
+ Điều chỉnh giảm trong năm		(712.350.000)
+ Vốn góp cuối năm	2.644.000.000	2.644.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.440	26.440
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	26.440	26.440
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.440	26.440
+ Cổ phiếu phổ thông	26.440	26.440
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 100.000VNĐ/CP

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.010.358.925	2.816.691.243,00
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.628.796.542	2.816.691.243
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.163.193	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.008.195.732	2.816.691.243
02. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.101.225.124	1.224.834.221
Tổng cộng	1.101.225.124	1.224.834.221

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

02. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi

Tổng cộng

Năm nay	Năm trước
182.516	195.948
182.516	195.948

04. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

Tổng cộng

Năm nay	Năm trước
24.371.500	17.070.000
24.371.500	17.070.000

03. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới

Tổng cộng

Năm nay	Năm trước
-	154.214.720
-	154.214.720

04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu và đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Tổng cộng

Năm nay	Năm trước
562.404.354	766.462.878
25.644.841	131.429.901
12.829.545	12.829.545
19.463.134	44.080.651
129.862.498	176.496.994
98.197.068	257.431.896
848.401.440	1.388.731.865

05. Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác

Tổng cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
-	-

06. Chi phí khác

Chi phí khác

Tổng cộng

Năm nay	Năm trước
24.330.292	54.131.335
24.330.292	54.131.335

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế

Cộng các khoản chi phí không được trừ

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Năm nay	Năm trước
10.049.892	(22.094.950)
16.122.143	169.183.470
26.172.035	147.088.520
20%	20%
5.234.407	29.417.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.975.095	-	1.856.873	-
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	2.498.755.917	(1.236.971.888)	3.200.908.924	(1.236.971.888)
Tổng cộng	2.514.731.012	(1.236.971.888)	3.202.765.797	(1.236.971.888)
Công nợ tài chính			Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán, phải trả khác			1.720.001.889	1.933.758.924
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính			60.000.000	231.000.000
Chi phí phải trả			264.800.000	379.291.000
Tổng cộng			2.044.801.889	2.544.049.924

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ trong đó đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các khách hàng đối tác nước ngoài và các khoản vay ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả cho các khoản vay có gốc ngoại tệ. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hoá danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Đối với Công ty Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.975.095		15.975.095
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	170.781.174	2.327.974.743	2.498.755.917
Tổng cộng	186.756.269	2.327.974.743	2.514.731.012
Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	804.656.636	915.345.253	1.720.001.889
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	10.000.000	50.000.000	60.000.000
Chi phí phải trả	-	264.800.000	264.800.000
Tổng cộng	814.656.636	1.230.145.253	2.044.801.889
Chênh lệch thanh khoản thuần	(627.900.367)	1.097.829.490	469.929.123
Tại ngày 01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.856.873		1.856.873
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	3.200.908.924		3.200.908.924
Tổng cộng	3.202.765.797	-	3.202.765.797
Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	1.933.758.924		1.933.758.924
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	231.000.000		231.000.000
Chi phí phải trả	379.291.000		379.291.000
Tổng cộng	2.544.049.924	-	2.544.049.924
Chênh lệch thanh khoản thuần	658.715.873	-	658.715.873

2. Thông tin về hoạt động liên tục:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.13 trong Báo cáo tài chính Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 3.502.484.889 đồng, vượt quá tổng tài sản của là: 1.986.416.121 đồng và vượt quá Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 858.484.889 đồng. Các khoản nợ ngắn hạn đã vượt so với tổng tài sản là 633.322.144 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam và được điều chỉnh theo Công văn số 62/CV-TVXD ngày 24 tháng 07 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng An Giang về việc điều chỉnh hồi tố số đầu kỳ Báo cáo tài chính năm 2016 các khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số dư BCTC tại ngày 31/12/2015 sau khi điều chỉnh	Số dư BCTC tại ngày 31/12/2015	Chênh lệch
Các khoản mục trên bảng cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.288.769.964	2.477.700.964	(188.931.000)
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.236.971.888)	(1.425.902.888)	188.931.000
- Phải thu ngắn hạn khác	95.600.282	79.523.601	16.076.681
- Phải trả ngắn hạn khác	1.723.158.715	1.087.909.776	635.248.939
- Vốn góp của chủ sở hữu	2.644.000.000	3.356.350.000	(712.350.000)
- Lợi nhuận chưa phân phối	(3.507.300.374)	(3.600.478.116)	93.177.742



TRẦN HIẾU THIỆN

Phụ trách kế toán



Ngày 27 tháng 07 năm 2017

QUÁCH THỊ HUỆ TRINH

Giám đốc